

Số: /UBND-NV

*Tam Điệp, ngày 12 tháng 4 năm 2019*

## **BÁO CÁO**

### **Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021 - 2030 của Ủy ban nhân dân thành phố Tam Điệp**

Căn cứ Công văn số 242/SNV-CCHC&ĐT ngày 10/3/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2021-2030, UBND thành phố Tam Điệp báo cáo kết quả cụ thể như sau:

#### **Phần thứ nhất**

### **TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

#### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI TỪ NĂM 2011 ĐẾN HẾT THÁNG 3/2020**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2011-2020 được ban hành. Trên cơ sở các Văn bản của các cấp Bộ, ngành, Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan, dưới sự Chỉ đạo trực tiếp của Thành uỷ, HĐND thành phố, UBND thành phố Tam Điệp đã tổ chức triển khai nghiêm túc các nội dung chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020. Nội dung chương trình cải cách hành chính được tổ chức phổ biến quán triệt tới Hội nghị cán bộ chủ chốt của thành phố, thành phần tham dự hội nghị gồm các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành uỷ; Ủy viên BCH đảng bộ thành phố; Bí thư, Phó Bí thư các đảng bộ, chi bộ trực thuộc; Trưởng, phó các phòng ban, ngành, thuộc Thành uỷ uỷ, Ủy ban nhân dân, Ủy ban MTTQ các xã, phường.

Qua hội nghị cán bộ chủ chốt, nội dung công tác CCHC đã được các đồng chí lãnh đạo truyền đạt tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố và các đơn vị xã, phường. Với việc xác định CCHC là nội dung xuyên suốt của các toàn bộ hệ thống chính trị, của các cấp chính quyền địa phương, là công việc thường xuyên, liên tục nhằm đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao năng lực điều hành của chính quyền các cấp thực hiện thành công công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội của địa phương.

- *Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị; việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc triển khai công tác cải cách hành chính.*

Hàng năm, UBND thành phố và các đơn vị phường, xã trên địa bàn đều xây dựng kế hoạch Cải cách hành chính. Trên cơ sở đó, các nội dung cải cách hành chính được các đơn vị bám sát thực hiện và thông qua việc kiểm tra để đánh giá hiệu quả của các bản kế hoạch. Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của UBND thành phố và các đơn vị phường, xã trên địa bàn tập trung vào 06 nội dung cơ bản: Cải cách thể chế; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; viên chức và cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính nhà nước.

UBND thành phố ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính theo đúng hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- *Công tác theo dõi, đánh giá chỉ số cải cách hành chính:* Hàng năm, UBND thành phố ban hành Kế hoạch về tổ chức điều tra xã hội học phục vụ đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính cấp xã. Thông qua phương pháp điều tra XHH, phát huy vai trò đánh giá, phản biện khách quan từ chính đối tượng thụ hưởng, trên cơ sở đó tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và cung ứng dịch vụ hành chính công cho người dân, tổ chức; là cơ sở đánh giá chỉ số cải cách hành chính cấp xã trên địa bàn quản lý, đánh giá sự hài lòng của cơ quan, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- *Việc bố trí nguồn lực triển khai (kinh phí và nhân lực):*

+ *Tổng số kinh phí đã bố trí cho công tác CCHC của thành phố từ năm 2011-2020: 4.755.000.000 đồng*

+ *Bố trí công chức phụ trách tham mưu CCHC thành phố:* UBND thành phố phân công công chức phụ trách CCHC, có trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu công việc.

+ *Bố trí công chức làm việc tại Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã từ năm 2011-2020 theo quy định.*

Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, UBND phường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ phận, trách nhiệm của Trưởng Bộ phận, tiêu chuẩn, trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận, quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC; quy trình giải quyết TTHC tại bộ phận. Đồng thời quy định về việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết và trả hồ sơ tại bộ phận, các thủ tục được niêm yết và thực hiện tại Bộ phận. Quy chế cũng hệ thống các biểu mẫu, sổ sách phục vụ công tác của Bộ phận, đảm bảo theo đúng quy định.

+ *Bố trí công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính ở cấp huyện, cấp xã theo đúng quy định.*

- Những mô hình, sáng kiến trong cải cách hành chính đã được triển khai áp dụng: Trong giai đoạn 2011- 2020 có 4 sáng kiến, cụ thể:

+ **Sáng kiến:** Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác Cải cách thủ tục hành chính ở thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Sáng kiến được áp dụng góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tất cả các lĩnh vực, tiếp tục đầu tư đẩy mạnh việc triển khai các dịch vụ công trực tuyến, khuyến khích, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến của thành phố, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố phát triển bền vững.

+ **Sáng kiến:** Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính trong áp dụng Hệ thống TCVN ISO 9001 tại UBND các cấp. Sáng kiến được áp dụng đã mang lại nhiều hiệu quả thiết thực, góp phần quan trọng trong công tác cải cách hành chính, bảo đảm tính pháp lý, hiệu quả, công khai, minh bạch trong giải quyết công việc, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đến liên hệ công tác. Tính đến tháng 11/2018, đã có 9/9 xã, phường (đạt tỷ lệ 100%) áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008, 7/9 đơn vị xã, phường chuyển đổi áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Các đơn vị áp dụng tích hợp hệ thống “một cửa”, “một cửa liên thông” đã làm tăng hiệu quả trong cải cách TTHC.

+ **Sáng kiến:** Một số giải pháp nâng cao hiệu quả trong công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành. Sáng kiến được áp dụng đã giúp tiết kiệm ngân sách. Giá trị được thẩm tra quyết toán giảm so với giá trị đề nghị quyết toán khoảng 1,0 tỷ đồng. Công tác thẩm tra đã giúp UBND thành phố và các phường, xã đánh giá, ghi tăng giá trị tài sản sau đầu tư; từ đó làm căn cứ bàn giao cho các đơn vị quản lý vận hành theo dõi quản lý tài sản. Qua công tác thẩm tra quyết toán đã giúp UBND các phường, xã quản lý theo dõi công nợ chặt chẽ, chính xác đối với từng công trình. Kết quả thẩm tra quyết toán thể hiện rõ công nợ đối với từng công trình với từng đơn vị thực hiện qua đó giúp việc quản lý nợ xây dựng trên địa bàn thành phố đặc biệt là các phường, xã quản lý minh bạch công nợ xây dựng.

+ **Sáng kiến:** Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã phát huy được sức lan tỏa mạnh mẽ đồng thời đã huy động toàn bộ hệ thống chính trị tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Giảm thiểu chi phí đầu tư của Nhà nước. Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân ngày càng được nâng lên. Qua đó, tạo được sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân, góp phần làm giảm các hành vi, vi phạm pháp luật, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố.

- Công tác thi đua khen thưởng trong cải cách hành chính:

+ Bằng khen của UBND tỉnh: 0 người;

+ Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện: 28 người.

## **2. Kiểm tra việc thực hiện**

Để nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện cải cách hành chính và thực hiện nhiệm vụ được giao, hàng năm UBND thành phố đã ban hành các Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, công vụ và các nhiệm vụ trọng tâm tại cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra (thường xuyên và đột xuất) cải cách hành chính, công vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đối với các đơn vị; đặc biệt đối với các nhiệm vụ được giao có quy định thời gian cụ thể, các nhiệm vụ được giao được nêu tại Thông báo kết luận sau khi kiểm tra và đây chính là cơ sở để kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Qua kiểm tra các đơn vị cơ bản đã thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, UBND thành phố đã có văn bản chỉ đạo các đơn vị nhanh chóng khắc phục và các đơn vị đã có những giải pháp khắc phục hiệu quả.

### **3. Thông tin, tuyên truyền**

UBND thành phố xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch công tác thông tin, tuyên truyền hàng năm về cải cách hành chính với nhiều nội dung cơ bản, quan trọng, bao trùm từ thành phố tới từng cơ quan, đơn vị và các phường, xã; bám sát vào từng giai đoạn cụ thể.

Kế hoạch công tác thông tin, tuyên truyền hàng năm về cải cách hành chính tập trung vào 6 nội dung cơ bản về công tác cải cách hành chính của thành phố, cụ thể là: Cải cách thể chế hành chính; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính.

Hình thức thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính đảm bảo đa dạng, phong phú đã tham mưu thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền các nội dung công tác cải cách hành chính thông qua Trang thông tin điện tử (Website) thành phố; qua màn hình LED thành phố và qua hệ thống công chào điện tử trên địa bàn thành phố. Với 100% các văn bản chỉ đạo, điều hành của thành phố trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; các văn bản chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính như: Các Kế hoạch kiểm soát, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; cải cách tài chính công; cải cách tổ chức bộ máy; công tác cán bộ, công chức, viên chức; kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; hiện đại hóa hành chính ... đã được cập nhật và phổ biến kịp thời.

Qua 10 năm tích cực tham mưu tổ chức thực hiện, công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính đã đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Thành phố đăng tải 100% các văn bản chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính; cập nhật 100% số thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý trên trang thông tin điện tử thành phố và kết nối liên thông với cổng dịch vụ công quốc gia; biên tập và đăng tải 307 tin, bài phản ánh các nội dung công tác cải cách hành chính của thành phố và các địa phương; phát 175 phóng sự phản ánh hoạt động cải cách hành chính của thành phố và của tỉnh trên màn hình LED thành phố; chạy hàng ngàn lượt khẩu hiệu tuyên truyền cải cách hành chính trên hệ thống công chào điện tử thành phố.

Các nội dung công tác CCHC đã và đang ngày càng phát huy tác dụng cho sự vận hành của chính quyền các cấp trên nhiều lĩnh vực; nhận thức của đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức các cấp về công tác cải cách hành chính ngày một nâng cao; hiệu quả của công tác cải cách hành chính tiếp tục phát huy và nhân rộng, đáp ứng nhu cầu và nhận được sự hài lòng ngày càng cao của công dân, tổ chức, doanh nghiệp...

### **4. Đánh giá chung**

Việc triển khai thực hiện công tác CCHC đã có nhiều chuyển biến tích cực

cả về nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn, tạo được sự đồng thuận của công chức, viên chức, người lao động và nhân dân đối với các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Qua công tác triển khai, tuyên truyền CCHC đã góp phần nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về chủ trương, nội dung, ý nghĩa của việc thực hiện công tác CCHC; thái độ phục vụ nhân dân của công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân có tinh thần, trách nhiệm cao hơn.

## **II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ TỪ NĂM 2011 ĐẾN HẾT THÁNG 3/2020**

### **1. Cải cách thể chế**

#### **1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được**

*a) Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố*

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong thời gian từ năm 2011 đến tháng 3/2020, công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, UBND thành phố luôn được quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt. Các văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đã kịp thời cụ thể hoá Hiến pháp, Luật, các văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên và nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội ở địa phương trong các lĩnh vực như: Kinh tế, văn hoá - xã hội, đất đai, hành chính, tổ chức bộ máy, An ninh-Quốc phòng... góp phần quan trọng đối với công tác giám sát, quản lý, điều hành của HĐND, UBND thành phố tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Kết quả từ năm 2011 đến tháng 3/2020:

- HĐND, UBND thành phố ban hành: **25** văn bản QPPL, trong đó:
  - + Nghị quyết do Hội đồng nhân dân ban hành là: 12 văn bản;
  - + Quyết định do Ủy ban nhân dân ban hành là: 13 văn bản.
- HĐND, UBND các xã, phường ban hành: **72** văn bản QPPL, trong đó:
  - + Nghị quyết do HĐND cấp xã ban hành: 54 văn bản;
  - + Quyết định do UBND cấp xã ban hành: 18 văn bản.

Công tác xây dựng, ban hành VBQPPL của HĐND, UBND thành phố; HĐND, UBND các xã, phường thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật như xây dựng dự thảo, xin ý kiến góp ý, thẩm định, công khai sau khi ban hành. Do đó, văn bản QPPL được ban hành đảm bảo tính thống nhất và tính khả thi.

- *Công tác theo dõi thi hành pháp luật:* Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật của địa phương được HĐND, UBND thành phố quan tâm thực hiện. Hàng năm, căn cứ Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của UBND tỉnh, UBND thành phố đều ban hành Kế hoạch thực hiện công tác Quản lý xử lý

vi phạm hành chính và Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thành phố; Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật. Tích cực tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và các Luật mới được Quốc hội thông qua.

- *Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật*: Căn cứ vào Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của UBND tỉnh ban hành hàng năm, UBND thành phố đều ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, trong đó chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố phối hợp Phòng Tư pháp là cơ quan đầu mối trong việc giúp Chủ tịch UBND thành phố thường xuyên thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND thành phố ban hành. Kết quả rà soát:

Năm 2018, thực hiện Tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND thành phố ban hành từ ngày 01/9/1994 đến ngày 31/12/2017 UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 31/01/2018 của UBND thành phố về tổng rà soát, hệ thống hóa VBQPPL do HĐND và UBND các cấp trên địa bàn thành phố ban hành từ 01/01/1992 đến 31/12/2017; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 31/01/2018 về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố năm 2018; Quyết định số 119/QĐ - UBND ngày 16/01/2019 ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố năm 2019; Quyết định số 119/QĐ - UBND ngày 31/01/2018 của UBND thành phố công bố danh mục văn bản QPPL của HĐND, UBND thành phố ban hành hết hiệu lực toàn bộ năm 2017.

Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL được thực hiện thường xuyên, qua đó rà soát những văn bản QPPL còn hiệu lực thi hành, những văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ để đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ đảm bảo tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.

- *Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật*

Hàng năm, UBND thành phố đều ban hành Kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL nhằm mục đích kịp thời phát hiện những nội dung trái pháp luật, không đảm bảo tính hợp Hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, qua đó kiến nghị các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật. Công tác kiểm tra văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp xã ban hành; tự kiểm tra văn bản QPPL do HĐND và UBND thành phố ban hành được thực hiện thường xuyên, kịp thời, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngay sau khi văn bản QPPL được ban hành. Qua công tác kiểm tra, tự kiểm tra, các văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp xã; HĐND, UBND thành phố ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền, căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày; hợp Hiến, hợp pháp, thống nhất với VBQPPL có hiệu lực pháp lý cao hơn; không có văn bản QPPL trái pháp luật được kiến nghị xử lý.

***b) Việc tổ chức triển khai hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước***

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được UBND thành phố quan tâm triển khai đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả với nhiều hình thức và nội dung phong phú, phù hợp với từng nhóm đối tượng được tuyên truyền, qua đó, ý

thức của các tầng lớp nhân dân trong việc học tập, tìm hiểu pháp luật, tự giác chấp hành pháp luật từng bước nâng lên, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, từng bước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Công tác tập huấn về pháp luật được các cơ quan, đơn vị và địa phương quan tâm, chú trọng thực hiện. Nội dung các quy định pháp luật mới ban hành được các cơ quan, đơn vị và địa phương tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đảm bảo kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Tình hình tuân thủ thực hiện chính sách pháp luật của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trên địa thành phố ngày càng được cải thiện, ý thức tuân thủ pháp luật đã được nâng lên. Công tác điều tra xử lý tội phạm đảm bảo đúng quy định của pháp luật; không xảy ra tình trạng oan sai. Thông qua các cuộc thanh tra, kiểm tra, cơ quan chức năng đã làm tốt công tác hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc. Trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, cơ quan có thẩm quyền đã xử lý kịp thời, chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn một số lĩnh vực mức độ vi phạm pháp luật còn cao như: An ninh trật tự, trật tự an toàn giao thông, đất đai...; tình trạng khiếu nại, tố cáo liên quan đến một số lĩnh vực như đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng... vẫn còn xảy ra. Nguyên nhân do ý thức tuân thủ pháp luật của một số người dân còn hạn chế. Một số vụ việc giải quyết còn nhiều vướng mắc, khiếu nại, khiếu kiện kéo dài nhiều năm.

## **1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### *- Tồn tại, hạn chế*

+ Tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức tham gia vào công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật còn thiếu, chủ yếu là kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi, không ổn định; năng lực, khả năng tổ chức thực hiện, áp dụng pháp luật của một bộ phận đội ngũ cán bộ, công chức chưa sâu sát, thiếu kinh nghiệm trong công tác này.

+ Công tác tập huấn nghiệp vụ chưa được thực hiện thường xuyên; xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn lúng túng; báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật còn chậm.

- *Nguyên nhân:* Một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức về công tác này; Cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, theo dõi tình hình thi hành pháp luật còn thiếu, hầu hết là kiêm nhiệm, chưa được tập huấn sâu về nghiệp vụ.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

### **2.1. Kết quả đạt được**

*a) Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Trung ương và của tỉnh*

- Trên cơ sở các thủ tục hành chính do các bộ, ngành của Trung ương, UBND tỉnh và các Sở, ngành của tỉnh hướng dẫn thực hiện. UBND thành phố đã nghiêm túc triển khai việc thực hiện các TTHC tại các phòng, đơn vị, Trung tâm một cửa liên thông thành phố và UBND các phường, xã. Công tác triển khai

thực hiện các TTHC được công khai từ quy trình thực hiện, các loại giấy tờ, biểu mẫu, thời gian thực hiện, phí và lệ phí.

- Công tác rà soát các TTHC được tiến hành thường xuyên tại các phòng, đơn vị của thành phố. Trong quá trình thực hiện, UBND thành phố không đặt ra các thủ tục hành chính ngoài quy định. Việc rà soát các TTHC và phát hiện những TTHC không còn phù hợp đã được gửi kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét và giải quyết.

#### ***b) Về kiểm soát thủ tục hành chính***

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn triển khai, hàng năm UBND thành phố đã ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc, có chất lượng các kế hoạch kiểm soát TTHC. Theo yêu cầu của quản lý, từ năm 2011 đến năm 2013, UBND thành phố giao Văn phòng HĐND và UBND thành phố là cơ quan đầu mối trực tiếp tham mưu triển khai công tác kiểm soát TTHC, từ năm 2014 đến năm 2017 nhiệm vụ kiểm soát TTHC được giao cho phòng Tư pháp thành phố tham mưu triển khai, từ năm 2018 đến nay, UBND thành phố giao cho Văn phòng HĐND và UBND thành phố là cơ quan đầu mối trực tiếp tham mưu triển khai công tác kiểm soát TTHC. Nhìn chung công tác kiểm soát TTHC đảm bảo thông suốt, nhận được sự đồng thuận của nhiều cơ quan, đơn vị.

Trên cơ sở kế hoạch kiểm soát TTHC hàng năm của UBND thành phố, các cơ quan chuyên môn, UBND phường, xã đã nghiêm túc triển khai thực hiện việc thống kê, tổ chức đánh giá tác động của thủ tục hành chính, tiếp nhận các phản ánh kiến nghị của tổ chức, công dân về TTHC, theo đó hàng năm, UBND thành phố đã hoàn thành các nội dung công việc trong công tác rà soát, đánh giá TTHC theo Kế hoạch.

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Từ năm 2011 đến nay, UBND thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các phường, xã thực hiện nghiêm túc quy định về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và việc thực hiện quy định hành chính tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Thông tư số 05/2014/TT-BTP. Trong thời gian qua, trên địa bàn thành phố không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về TTHC.

- Việc cập nhật, công bố thủ tục hành chính theo quy định: Từ năm 2011 đến nay, sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công bố các TTHC thuộc thẩm quyền của cấp mình, UBND thành phố đã chủ động cập nhật, công bố kịp thời các TTHC đó theo đúng quy định của pháp luật.



***c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ và của tỉnh tại cấp huyện và cấp xã***

- Trên cơ sở các thủ tục hành chính do các bộ, ngành của Trung ương, UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành hướng dẫn thực hiện. UBND thành phố đã nghiêm túc triển khai việc thực hiện các TTHC tại các phòng chuyên môn, đơn vị, Trung tâm một cửa liên thông thành phố và các phường, xã. Công tác triển khai thực hiện các TTHC được công khai hoá từ quy trình thực hiện, các loại giấy tờ, biểu mẫu, thời gian thực hiện, phí và lệ phí.

- Từ năm 2017 đến nay, thực hiện việc công khai các thủ tục hành chính của Chính phủ và của tỉnh tại Trung tâm một cửa liên thông thành phố, phường, xã và trên trang cổng thông tin điện tử của thành phố theo đúng quy định.

***d) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại cấp huyện và các đơn vị cấp xã trên địa bàn***

- Sau khi Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành, trên cơ sở hướng dẫn của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND thành phố và UBND các xã, phường đã được xác lập, triển khai và đi vào hoạt động. UBND thành phố và các đơn vị xã phường đã xây dựng các đề án thành lập bộ phận một cửa của đơn vị mình trình Sở Nội vụ tỉnh. Sau khi có ý kiến hiệp ý của Sở Nội vụ, UBND thành phố đã ban hành các Quyết định thành lập Trung tâm một cửa liên thông thành phố và bộ phận một cửa thuộc UBND các xã, phường.

- Lĩnh vực thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Đến nay, tại Trung tâm một cửa liên thông thành phố đã triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên 14 lĩnh vực; bộ phận một cửa các phường, xã đã tiến hành triển khai trên 10 lĩnh vực theo Quyết định số 388/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

***đ) Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại cấp huyện và cấp xã***

- Thực hiện quyết định của Chính phủ và UBND tỉnh quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4, hiện tại UBND thành phố đang cung cấp 39 thủ tục hành chính mức độ 3,4; UBND xã, phường cung cấp 02 thủ tục mức độ 3,4. Tiếp tục đề nghị UBND tỉnh xem xét 33 thủ tục cấp thành phố và 07 thủ tục cấp xã, phường từ mức độ 2 lên mức độ 3,4.

***e) Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích tại cấp huyện và cấp xã***

Trên địa bàn thành phố đã triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích. Năm 2018 phát sinh 01 hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích, năm 2019 phát sinh 17 hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

***g) Sáng kiến, giải pháp cải cách thủ tục hành chính:*** Từ năm 2011 đến nay, UBND thành phố có 02 sáng kiến, giải pháp cải cách thủ tục hành chính.

## **2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **- Tồn tại, hạn chế**

Việc đầu tư cơ sở vật chất cho công tác cải cách hành chính bước đầu đã phát huy hiệu quả tuy nhiên chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Một số đơn vị cơ sở thiết bị, máy móc đã cũ kỹ, lạc hậu.

Đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực thi nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị chủ yếu là kiêm nhiệm, vừa phụ trách công việc chuyên môn vừa thực thi nhiệm vụ cải cách hành chính nên khối lượng công việc quá nhiều, ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả công việc.

### **- Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

Kinh phí đầu tư cho công tác cải cách hành chính còn hạn chế, chưa có chính sách đãi ngộ kịp thời cho cán bộ, công chức trực tiếp phụ trách thực hiện cải cách hành chính.

Trụ sở làm việc của một số xã, phường được xây dựng theo mẫu quy định cũ, vì vậy việc bố trí phòng làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở chưa đảm bảo theo quy định.

## **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính**

### **3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được**

#### **a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy, biên chế của Ủy ban nhân dân thành phố**

Vị trí, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của UBND các cấp thành phố tiếp tục được duy trì theo đúng quy định của pháp luật. Công tác rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy được tổ chức thường xuyên. Hiện tổ chức bộ máy của UBND thành phố được tổ chức với 12 phòng chuyên môn và 07 đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Công tác kiểm tra, rà soát nhằm phát hiện những tồn tại, chồng chéo trong công tác quản lý tiếp tục được nghiên cứu và đề xuất giải pháp khi có phát hiện về sự trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

Công tác quản lý biên chế của UBND thành phố được duy trì thường xuyên, nghiêm túc. Hàng năm, UBND thành phố đều xây dựng kế hoạch biên chế hành chính sự nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và được tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch được phê duyệt. Công tác quản lý biên chế của UBND các xã, phường được duy trì ổn định theo đúng quy định của văn bản Trung ương và quyết định của UBND tỉnh.

Năm 2017, trên địa bàn thành phố thực hiện việc sáp nhập, tổ chức lại Trung tâm Dạy nghề và Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố; thành lập mới 02 trường: Tiểu học Tây Sơn và Tiểu học Yên Bình; năm 2020: thực hiện sáp nhập 3 trạm: Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú ý và Trạm Khuyến nông thành thành Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thành phố.

Tình hình quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã đúng theo quy định:

+ Năm 2011: Số biên chế hành chính sự nghiệp được giao cấp huyện là 83 biên chế công chức, cấp xã là 197 cán bộ, công chức;

+ Năm 2020: Số biên chế hành chính sự nghiệp được giao cấp huyện là 76 biên chế công chức, cấp xã là 191 cán bộ, công chức;

+ Năm 2020: Số biên chế hành chính sự nghiệp cấp huyện hiện có là 73/76 số biên chế được giao; số biên chế cấp xã hiện có là 181/191 người.

+ Số lượng biên chế thực hiện cắt giảm từ năm 2011 đến 2020 là 7 biên chế, đạt tỷ lệ 0,7 %

Quy chế làm việc của UBND thành phố và các phường, xã được xây dựng đều phát huy hiệu quả trong công tác quản lý, thường xuyên được cơ quan chuyên môn theo dõi, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

### ***b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền thành phố***

Việc đánh giá, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của UBND thành phố được thực hiện thông qua quy chế làm việc đã ban hành. Hàng tháng, UBND thành phố đều tổ chức giao ban, tổng kết kết quả công tác và triển khai nhiệm vụ công tác trong thời gian tiếp theo qua đó đánh giá được công tác tổ chức và hiệu quả hoạt động. Việc kiểm tra đánh giá hoạt động của UBND cấp huyện còn được thực hiện thông qua hoạt động giám sát của HĐND cùng cấp và UBND cấp trên trực tiếp. Hàng năm, HĐND các huyện đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động đối với UBND cấp mình và cấp dưới.

Việc tiến hành hoạt động kiểm tra đối với UBND thành phố và UBND các phường, xã được thực hiện thông qua các thành viên đoàn kiểm tra. Sau khi tiến hành xong hoạt động kiểm tra, đoàn kiểm tra sẽ tiến hành kết luận về những kết quả đã làm được và những tồn tại cần phải thực hiện. Những vấn đề đặt ra của các đơn vị đều yêu cầu phải có phương pháp xử lý kịp thời.

### ***c) Về phân cấp quản lý***

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và biên chế của UBND thành phố đã được UBND tỉnh giao, UBND thành phố đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp với chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức, biên chế của mình tự nghiên cứu và xây dựng Quy chế làm việc. Sau khi được thẩm định, UBND thành phố đã ra quyết định phê chuẩn. Xác định và làm rõ chức năng, nhiệm vụ, phân biệt hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước với hoạt động của đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

Việc phân cấp đã mang lại hiệu quả tích cực cho cơ quan và các đơn vị trực thuộc. Tạo sự chủ động, làm tăng tính tự chủ trong công tác điều hành của cơ quan, đơn vị. Qua đó, xác định rõ vai trò, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; vai trò của người đứng đầu cơ quan và từng thành viên trong cơ quan, đơn vị.

Kết quả của việc tổ chức, sắp xếp lại các cơ quan tại UBND thành phố đã mang lại cho cơ cấu tổ chức của đơn vị một cách khách quan, khoa học, hợp lý, phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương và của tỉnh.

Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp được UBND thành phố giao cho các phòng chuyên môn kiểm tra, theo dõi và được thực hiện đồng thời thông qua công tác thanh tra.

Qua các cuộc kiểm tra đã tiến hành nhận thấy có một số vấn đề cần lớn cần phải giải quyết: Đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện các nội dung về công tác cải cách hành chính về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, tuy

nhiên một bộ phận là cán bộ, công chức; cán bộ công chức cấp xã nhất là đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận “một cửa” chủ yếu vừa phụ trách lĩnh vực quản lý chuyên môn được giao vừa tham gia công việc tại bộ phận “một cửa” nên ảnh hưởng không nhỏ chất lượng và hiệu quả công việc; Công tác tuyên truyền các nội dung về công tác cải cách hành chính một số nơi đôi lúc chưa thường xuyên, thực hiện chiếu lệ dẫn đến người dân, doanh nghiệp còn hiểu chưa đúng, lúng túng khi đến giao dịch và làm việc với các cơ quan chuyên môn.

Nhận thấy những tồn tại nêu trên, các cấp uỷ đảng, chính quyền từ thành phố tới cơ sở đã tiến hành các biện pháp nhằm khắc phục như: Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, trực tiếp quán triệt các nội dung Nghị quyết tới từng cơ quan, đơn vị và ký kết các giao ước thi đua; tạo điều kiện cho cán bộ, công chức đi học để đáp ứng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; phân công rõ trách nhiệm, xây dựng kế hoạch công tác hợp lý để giải quyết những chông chéo về nhiệm vụ; Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền nội dung Nghị quyết và các chương trình hành động về cải cách hành chính vv...

#### ***d) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị***

Việc đánh giá, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của UBND các cấp được thực hiện thông qua quy chế làm việc đã ban hành. Hàng tháng, UBND các cấp đều tổ chức giao ban, tổng kết kết quả công tác và triển khai nhiệm vụ công tác trong thời gian tiếp theo qua đó đánh giá được công tác tổ chức và hiệu quả hoạt động. Việc kiểm tra đánh giá hoạt động của UBND các cấp còn được thực hiện thông qua hoạt động giám sát của HĐND cùng cấp và UBND cấp trên trực tiếp. Hàng năm, HĐND các cấp đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động đối với UBND cấp mình và cấp dưới.

Việc tiến hành hoạt động kiểm tra đối với UBND thành phố và UBND các xã, phường được thực hiện thông qua các thành viên đoàn kiểm tra. Sau khi tiến hành xong hoạt động kiểm tra, đoàn kiểm tra sẽ tiến hành kết luận về những kết quả đã làm được và những tồn tại cần phải thực hiện. Những vấn đề đặt ra của các đơn vị đều yêu cầu phải có phương pháp xử lý kịp thời.

***d) Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã:*** Từ năm 2011-2020 thành phố có 9 đơn vị phường, xã.

**3.2. Những tồn tại, hạn chế:** Quy trình thực thi việc phân cấp còn gặp nhiều khó khăn, phức tạp.

### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

#### ***4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được***

***a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức, viên chức***

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm:

+ Việc bố trí công chức theo vị trí việc làm: có 73/76 công chức được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt.

+ Việc bố trí viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt: có 961/961 viên chức được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt.

- Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức của UBND cấp huyện:

+ Công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức đảm bảo theo chỉ tiêu biên chế được giao và bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt; công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức luôn được quan tâm, thực hiện.

+ Kết quả (Tuyển dụng: 17 công chức, 86 viên chức; thi nâng ngạch công chức: 01 công chức; thi thăng hạng cho viên chức: 02 người; thực hiện thi tuyển để bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý: 01 người; thu hút công chức: 0 người).

+ Việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm được thành phố thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, đảm bảo đúng theo quy định.

#### **b) Về cán bộ, công chức cấp xã**

- Số lượng cán bộ, công chức cấp xã: 181 người, trong đó:

+ Cán bộ cấp xã: 86 người;

+ Công chức cấp xã: 95 người.

- Cơ cấu (giới tính, độ tuổi, nguồn) đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã:

Về chuyên môn:

+ Chưa qua đào tạo: 0 người, tỷ lệ %;

+ Sơ cấp: 21 người, tỷ lệ 11,6 %;

+ Cao đẳng: 03 người, tỷ lệ 1,7 %;

+ Đại học: 153 người, tỷ lệ 84,5 %;

+ Thạc sỹ: 04 người, tỷ lệ 2,2 %.

Về lý luận chính trị:

+ Chưa qua đào tạo: 48 người, tỷ lệ 26,5 %;

+ Sơ cấp: 15 người, tỷ lệ 8,3 %;

+ Trung cấp: 116 người, tỷ lệ 64,1%;

+ Cao cấp: 02 người, tỷ lệ 1,1 %;

+ Cử nhân: 0 người, tỷ lệ %.

Về quản lý Nhà nước:

+ Chưa qua bồi dưỡng: 58 người, tỷ lệ 32,0 %;

+ Cán sự: 6 người, tỷ lệ 3,3 %;

+ Chuyên viên: 116 người, tỷ lệ 64,1 %;

+ Chuyên viên chính: 01 người, tỷ lệ 0,6 %.

Về tin học: số người có chứng chỉ bồi dưỡng tin học trình độ A, B, C, chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, tỷ lệ 80,7%.

- Công tác quản lý, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã:

+ Bố trí chức vụ, chức danh theo quy định;

- + Tuyển dụng qua thi tuyển hoặc xét tuyển: 0 công chức cấp xã;
- + Tuyển dụng qua thu hút: 02 công chức cấp xã;
- + Chuyển ngạch: 170 cán bộ, công chức cấp xã;
- + Bầu cử, bổ nhiệm cán bộ cấp xã (chức vụ Bí thư Đảng ủy cấp xã: 09 người, chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã: 09 người, chức vụ Chủ tịch: 09 người, chức vụ Phó Chủ tịch: 09 người, chức vụ phó Chủ tịch HĐND: 09 người);
- + Kết quả đánh giá, phân loại hàng năm đối với cán bộ, công chức cấp xã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, đảm bảo đúng theo quy định.

#### **4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về các nội dung, kỹ năng hành chính và thủ tục hành chính còn hạn chế. Do khối lượng công việc nhiều, công tác bồi dưỡng còn hạn chế.

### **5. Cải cách tài chính công**

#### **5.1. Kết quả chủ yếu đạt được**

##### ***a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội***

Trong giai đoạn 2011 - 2020, cải cách tiền lương và các chế độ chính sách khác đối với đội ngũ cán bộ công chức, viên chức được thực hiện theo lộ trình. Một số chính sách tiền lương đã được thực hiện như: Sửa đổi hệ số phụ cấp chức vụ đối với một số chức danh lãnh đạo; ban hành chế độ phụ cấp công vụ áp dụng đối với cán bộ, công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng từ ngày 01/5/2012 đối với cán bộ xã đã nghỉ việc; áp dụng chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo từ tháng 9/2011, điều chỉnh mức tiền lương cơ sở hàng năm... Các quy định về chế độ bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công đã được quan tâm, chi trả đúng thời hạn, đảm bảo quyền lợi cho người thụ hưởng.

##### ***b) Tăng cường đầu tư, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hoá gia đình, thể dục, thể thao tại cấp huyện, cấp xã***

Giai đoạn 2011-2020, xác định xóa hội hóa là một trọng những biện pháp quan trọng để mở rộng các nguồn đầu tư, khai thác các tiềm năng về nhân lực, vật lực và tài lực trong xã hội, UBND thành phố đã tăng cường vận động, tuyên truyền nhân dân đẩy mạnh xã hội hóa trên nhiều lĩnh vực như văn hóa, giáo dục, y tế... Kết quả đã tạo được sự đồng thuận đóng góp ủng hộ của người dân để xây dựng một số công trình như nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, các công trình sửa chữa, cải tạo trường lớp, xây dựng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa và ASXH thành phố phục vụ thiết thực cho đời sống nhân dân.

##### ***c) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý***

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với các cơ quan hành chính Nhà nước; Nghị định số

43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập đã mang lại những kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy các cơ quan rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại tổ chức bộ máy; sử dụng, bố trí cán bộ, công chức, viên chức phù hợp; chủ động phân bổ nguồn tài chính của đơn vị theo nhu cầu chi tiêu đối với từng lĩnh vực trên tinh thần tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả; tăng cường trách nhiệm, nâng cao tính chủ động, tạo điều kiện phát huy tiềm lực.

Từ năm 2011 đến nay, UBND thành phố đã giao quyền tự chủ cho 12/12 phòng ban chuyên môn cấp huyện, 31/34 đơn vị sự nghiệp công lập. 100% đơn vị được giao quyền tự chủ đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ quản lý tài chính tại đơn vị.

## **5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **1. Tồn tại, hạn chế:**

Việc thực hiện tự chủ tài chính có nơi chưa thực sự hiệu quả, việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ còn mang tính hình thức; chưa thực sự gắn kết giữa giao nhiệm vụ, giao biên chế và giao kinh phí.

Việc huy động xã hội hóa còn nhiều hạn chế, chưa thực sự phát huy được tiềm năng về nhân lực, vật lực và tài lực trong xã hội.

### **2. Nguyên nhân**

Nguồn lực và những điều kiện bảo đảm cần thiết cho cải cách hành chính còn nhiều hạn chế. Các đơn vị còn tình trạng nhiều hợp đồng lao động bên cạnh giá cả thị trường biến động theo xu hướng ngày càng tăng làm cho việc tiết kiệm chi thường xuyên gặp nhiều khó khăn.

Công tác tuyên truyền xã hội hóa chưa thực sự mềm dẻo dẫn đến chưa tạo được sự nhất trí của một số bộ phận nhỏ người dân.

## **6. Về hiện đại hóa hành chính**

### **6.1. Kết quả chủ yếu đạt được**

**a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã: kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm vv...**

Hàng năm, UBND thành phố ban hành đầy đủ, kịp thời các Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử thành phố; trong đó tập trung đầu tư nguồn lực hiện đại hóa máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp; nâng cấp mạng Internet băng thông rộng; tăng cường thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là các cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách về công nghệ thông tin từ thành phố tới cơ sở...

Thành phố đã và đang tiếp tục tích cực đầu tư, hiện đại hóa hạ tầng thông tin phục vụ tốt cho công tác chỉ đạo điều hành, nâng cao hiệu quả quản lý; xây dựng cơ sở dữ liệu trên các lĩnh vực; phục vụ nhu cầu ngày càng cao và nhanh chóng của công dân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính.

***b) Kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp huyện:***

- Về hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý, dữ liệu chuyên ngành, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin: 100% cán bộ, công chức, viên chức các cấp đã được trang bị máy tính phục vụ thực thi công vụ với nhiều phần mềm ứng dụng nhiều chuyên ngành được đưa vào khai thác phục vụ quản lý và khai thác dữ liệu ngành.

Hệ thống mạng WAN, LAN được trang bị và nâng cấp thường xuyên đảm bảo thông suốt phục vụ hoạt động các cơ quan, đơn vị. Thành phố đã hoàn thành việc kết nối vào mạng số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước đối với các cơ quan hành chính.

Thành phố đã triển khai đăng ký và sử dụng chữ ký số cho 100% số cơ quan, đơn vị và 97% cán bộ lãnh đạo các cơ quan, đơn vị; 100% các đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành, 100% văn bản được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử giữa các cơ quan nhà nước; 100% các phường, xã đã xây dựng và đưa vào vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác quản lý và khai thác thông tin; 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ.

- *Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; triển khai các hệ thống một cửa điện tử:*

Thành phố đã triển khai cung cấp 336 dịch vụ công trực tuyến theo danh mục dịch vụ công trực tuyến đã được các cấp phê duyệt, trong đó ưu tiên các dịch vụ công phổ biến được người dân, doanh nghiệp sử dụng nhiều. Đã thiết lập danh mục thủ tục hành chính thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đối với 38 thủ tục thuộc 7 lĩnh vực quản lý nhà nước.

***c) Tình hình triển khai Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã***

- *Việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND thành phố:*

+ Từ năm 2011- 2019 UBND thành phố thường xuyên duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại UBND thành phố.

+ Tháng 7/2019 UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 110/KH-UBND về việc Mở rộng và chuyển đổi hệ thống HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

- *Việc triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại xã:*

Hiện tại 09/09 đơn vị xã phường thực hiện việc áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015.

**6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Hiện đại hóa hành chính tuy bước đầu đã phát huy hiệu quả trong công tác cải cách hành chính của thành phố, tuy nhiên, trước yêu cầu nhiệm vụ của tình hình mới, công tác hiện đại hóa hành chính còn bộc lộ một số hạn chế cơ bản như: hạ tầng thông tin còn thiếu đồng bộ, hệ thống máy móc thiết bị chậm được nâng cấp và cải tiến; nguồn lực đầu tư của thành phố và các địa phương dành cho ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử còn hạn chế.



**III. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN:** Thực hiện thống kê theo các phụ lục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 kèm theo báo cáo này.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

##### **1. Những kết quả tích cực đã đạt được**

Thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ. Thường trực Thành uỷ, lãnh đạo UBND thành phố thường xuyên quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nội dung về công tác cải cách hành chính do đó chất lượng hiệu quả của công tác cải cách hành chính đã đạt hiệu quả tích cực. Toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên trong cơ quan đã nghiêm túc tiếp thu tinh thần nội dung của Nghị quyết TW5 (khoá X) về đẩy mạnh cải cách hành chính tiêu nâng cao hiệu lực hiệu quả của bộ máy nhà nước ở địa phương phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

Thông qua các kế hoạch triển khai Nghị quyết TW5, chương trình hành động của Chính phủ, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, công tác tuyên truyền nội dung Nghị quyết TW5 được các cấp chính quyền xây dựng và tuyên truyền dưới nhiều hình thức, phong phú về nội dung, phát huy tác dụng và hiệu quả trong việc tạo ra nhận thức và hành động thiết thực, nhận được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân và các tổ chức, doanh nghiệp.

Trên cơ sở các Nghị quyết và văn bản quản lý nhà nước về cải cách hành chính, bộ máy chính quyền các cấp không ngừng được hoàn thiện về cơ cấu, tổ chức, không còn tình trạng chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ. Vị trí, vai trò của người đứng đầu cơ quan tiếp tục được khẳng định, hoạt động của cơ quan, tổ chức được thực hiện đúng theo quy chế, trách nhiệm của mỗi cán bộ được xác định rõ ràng. Tạo cơ chế và động lực phấn đấu cho cán bộ, đảng viên.

Xác định việc cải cách thủ tục hành chính là khâu đột phá trong cải cách hành chính. UBND thành phố đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát và thường xuyên rà soát thủ tục hành chính trên các lĩnh vực. Đồng thời, phối hợp rà soát các thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực quản lý, để tỉnh ban hành bộ thủ tục hành chính chung.

Việc hiện đại hoá nền hành chính đã được các cấp chính quyền của địa phương quan tâm đúng mức và thống nhất áp dụng. Việc áp dụng mô hình một cửa tại UBND thành phố và cấp xã đã tạo ra bước đột phá trong việc cung ứng các dịch vụ công, tập trung giải quyết công việc, tiết kiệm thời gian tạo niềm tin cho người dân và doanh nghiệp. Đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng đảm bảo về chất lượng vào hoạt động quản lý của cơ quan tạo ra hiệu quả cao trong quản lý, điều hành của cơ quan hành chính.

##### **2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

###### **a. Những tồn tại, hạn chế**

- Địa điểm làm việc của Bộ phận một cửa của thành phố và các xã, phường còn chật hẹp, chưa đủ diện tích theo quy định.

- Một bộ phận cán bộ, công chức cấp xã đã được đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn, được bố trí đúng chức danh nhưng còn thiếu kinh nghiệm thực tế, nên trong quá trình thực thi nhiệm vụ chất lượng và hiệu quả công việc chưa cao.

- Việc đầu tư cơ sở vật chất cho công tác cải cách hành chính bước đầu đã phát huy hiệu quả tuy nhiên chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới.

- Đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực thi nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị chủ yếu là kiêm nhiệm, vừa phụ trách công việc chuyên môn vừa thực thi nhiệm vụ cải cách hành chính nên khối lượng công việc quá nhiều, ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả công việc.

### ***b. Nguyên nhân của những tồn tại***

- Kinh phí đầu tư cho công tác cải cách hành chính còn hạn chế, chưa có chính sách đãi ngộ kịp thời cho cán bộ, công chức trực tiếp phụ trách thực hiện cải cách hành chính.

- Trụ sở làm việc của một số xã, phường được xây dựng theo mẫu quy định cũ, vì vậy việc bố trí phòng làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở là chật hẹp, không khoa học.

### **3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính**

Cải cách hành chính là một lĩnh vực có nhiều khó khăn do đó phải có sự chỉ đạo đồng bộ của cả hệ thống chính trị, cấp ủy, chính quyền.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình cụ thể cần xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung CCHC sát với thực tế. Việc bố trí cán bộ tại trung tâm một cửa phải là những người có đủ trình độ chuyên môn, đúng người, đúng việc.

Tăng cường cơ sở vật chất, kinh phí, thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ công chức phụ trách công tác cải cách hành chính.

## **Phần thứ hai**

### **ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2020 - 2030**

Căn cứ vào kết quả tổng kết Chương trình tổng thể giai đoạn 2011 - 2020; từ yêu cầu cải cách hành chính và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, UBND các huyện, thành phố đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm của huyện, thành phố cần thiết phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2020 - 2030, đề nghị tập trung vào những nội dung sau:

#### ***1. Cải cách thể chế***

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo tính kịp thời, đúng trình tự, đúng pháp luật, tính thống nhất và đặc biệt là tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật sau khi được

ban hành; quy định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc xây dựng và thực hiện các thể chế được ban hành.

Tổ chức tốt việc rà soát, kiểm tra, tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện để điều chỉnh, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới thay thế, đảm bảo tính thống nhất, tăng cường tính công khai, minh bạch. Kịp thời công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần và còn hiệu lực theo quy định.

Thực hiện tốt công tác theo dõi, thi hành pháp luật trên địa bàn thành phố; tích cực tuyên truyền, phổ biến các quy định về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật về công tác theo dõi thi hành pháp luật từ thành phố tới cơ sở.

## ***2. Cải cách thủ tục hành chính***

Tiếp tục rà soát, hệ thống hóa các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực thuộc quyền quản lý của các cơ quan chuyên môn và UBND cấp xã. Thực hiện công tác thống kê, kiến nghị bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp; bổ sung, rút gọn và nâng cao tính khả thi của các thủ tục hành chính còn hiệu lực.

Kiểm soát các thủ tục hành chính đang lưu thông trong quản lý, thực hiện việc công khai hóa các thủ tục hành chính cơ bản trên các lĩnh vực thuộc UBND các cấp. Tiếp tục duy trì các kênh thông tin tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và các quy định hành chính, thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính. Coi đây là nhiệm vụ thường xuyên và có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu, điều chỉnh các quy trình thủ tục hành chính của các cấp, các ngành.

## ***3. Cải cách tổ chức bộ máy***

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, biên chế của các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp xã; các đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố.

Tiếp tục việc thực hiện tinh giản bộ máy theo Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 79-KH/TU ngày 31/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

Rà soát, sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp theo Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tổng thể kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Thực hiện nhiệm vụ phân cấp theo quy định của Chính phủ (phân cấp về tổ chức bộ máy, công chức, viên chức, về quản lý đầu tư, xây dựng, về quản lý ngân sách, quản lý lao động, quản lý đất đai, các nội dung quản lý chuyên môn thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị).

#### ***4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức***

Xây dựng kế hoạch về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thành phố và cán bộ, công chức cấp xã theo lĩnh vực quản lý và theo kế hoạch của UBND tỉnh. Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về phẩm chất đạo đức của người cán bộ, đảng viên thời kỳ đổi mới.

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chất lượng cán bộ, công chức; trang bị kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ, kiến thức văn hóa công sở; nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức, ý thức kỷ luật đảm bảo tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức theo quy định.

Thực hiện nghiêm túc các quy định về tiêu chuẩn chức danh đối với cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục duy trì và thực hiện đầy đủ quy trình quy định về bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ; công tác tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức cấp huyện và công chức cấp xã. Thực hiện có hiệu quả kế hoạch đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức hàng năm tại thành phố và các xã, phường.

Giải quyết kịp thời và đầy đủ chế độ cho các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ cấp xã nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm. Duy trì việc thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công đối với các đối tượng thụ hưởng chính sách thường xuyên. Nâng cao vai trò trách nhiệm, kỷ luật kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức đặc biệt là vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

#### ***5. Cải cách tài chính công***

Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ; quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát ngân sách nhà nước chi thường xuyên và đầu tư công tại các cơ quan đơn vị, đảm bảo không xảy ra sai phạm.

#### ***7. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước***

Tiếp tục thực hiện mục tiêu xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử. Nâng cấp hệ thống mạng thông tin nội bộ thuộc cơ quan UBND thành phố. Nghiên cứu và triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên địa bàn thành phố. Nâng cao hiệu quả việc tiếp nhận và trả kết quả hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích thông qua việc thực hiện thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công của thành phố cho ngành bưu chính viễn thông đảm nhận. Duy trì bộ chỉ số hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan UBND thành phố.

**Phần thứ ba**  
**NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn về cải cách hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp tham quan, học tập các mô hình điển hình trong và ngoài địa phương về công tác cải cách hành chính.

2. Đề nghị UBND tỉnh cần tiếp tục có kế hoạch, chính sách đầu tư hơn nữa đối với công tác cải cách hành chính, đặc biệt đối với cấp xã; Cần đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng diện tích phòng làm việc, trang bị thêm máy móc, thiết bị.

Trên đây là báo cáo Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021 - 2030 của Ủy ban nhân dân thành phố Tam Điệp, UBND thành phố trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình;
- TT Thành uỷ, HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Thành viên Ban chỉ đạo CCHC thành phố;
- UBND các phường, xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Dương Đức Đăng**

**Phụ lục 1**  
**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**  
**của huyện/thành phố**

Stt	Chỉ tiêu	Tên huyện/thành phố									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tinh đến 31/3)
1.	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành										
-	Văn bản của thành/Thị ủy	1				1	1	1			
-	Văn bản của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện/TP	10	9	9	9	10	9	9	10	11	<b>4</b>
2.	Số lượng các cơ quan, đơn vị trực thuộc được kiểm tra CCHC	9	9	9	9	9	9	9	12	12	
3.	Tuyên truyền CCHC										
-	Số cuộc thi tìm hiểu CCHC										
-	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PT-TH huyện	145	142	138	146	145	148	145	152	155	<b>45</b>
-	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC										
-	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Cổng TTĐT huyện (Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0)	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
-	Hình thức tuyên truyền CCHC khác										

	Tuyên truyền bằng Băng zon	25	28	26	26	25	28	26	28	29	<b>26</b>
	Pa nô, biểu bảng	99	88	96	90	98	106	102	98	108	<b>35</b>
4.	Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng								1	3	
5.	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức										
-	Số lượng dịch vụ đã khảo sát					14	14	14	14	14	
-	Số lượng mẫu đã khảo sát					2	2	2	2	2	
-	Mức độ hài lòng chung					93,50%	92,75%	94,50%	95,15%	95,25%	





Stt	Nhiệm vụ/tiêu chí	Thành phố									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
	thẩm quyền đã được xử lý										
7	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

**Phụ lục 3**  
**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính của**  
**huyện/thành phố**

Stt	Chỉ tiêu	Tên huyện/thành phố									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tổng số TTHC của huyện/thành phố	38	39	39	45	131	327	379	378	330	330
-	<i>Số lượng TTHC cấp huyện</i>	19	20	20	26	66	207	259	258	227	227
-	<i>Số lượng TTHC cấp xã</i>	19	19	19	19	65	120	120	120	103	103
2.	Số TTHC được đơn giản hóa sau rà soát (theo thẩm quyền của tỉnh, như: giảm thời gian giải quyết...)	15	6	12	10	20	23	20	12	0	0
3.	Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/ Trang Thông tin điện tử của huyện, thành phố	0	0	0	0	0	0	259	378	330	330
4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông										
-	<i>Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện</i>	19	20	20	26	66	207	259	258	227	227
-	<i>Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã</i>	19	19	19	19	65	120	120	120	103	103
-	<i>Số lượng TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông cùng cấp (giữa các cơ quan cấp huyện với nhau)</i>	38	39	39	45	115	275	332	328	313	313

Stt	Chỉ tiêu	Tên huyện/thành phố									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
-	Số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền (giữa cấp huyện với cấp xã)	0	0	0	0	16	52	47	50	17	17
-	Số TTHC đã thực hiện 4 tại chỗ (tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC										
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện giải quyết đúng hạn (số đã trả đúng hạn/số đã tiếp nhận đến hạn giải quyết), ví dụ: 1190/1200	4981/ 4981	5965/ 5965	7354/ 7354	6.700 / 6700	8872/ 8872	8276/ 8276	3139/ 3139	1601/ 1601	1584/ 1584	219/219
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn (số đã trả đúng hạn/số đã tiếp nhận đến hạn giải quyết), ví dụ: 1190/1200					54098/ 54098	46057 / 46057	45511 / 45511	38607/ 38607	33023/ 33023	4284/ 4284
6.	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC										
6.1.	PAKN về TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Stt	Chỉ tiêu	Tên huyện/thành phố									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
	<i>Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai - kết quả trả lời trên Cổng TTĐT của huyện/thành phố</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.2.	PAKN về TTHC do UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện, thành phố tiếp nhận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

**Phụ lục 4**  
**Thông kê và so sánh số lượng tổ chức thuộc huyện/thành phố**  
 (Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019)

**I. Số lượng, cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện/thành phố**

<b>Giai đoạn</b>	<b>Số phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện</b>	<b>Số văn phòng, thanh tra thuộc UBND cấp huyện</b>	<b>Số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện</b>	<b>Số UBND cấp xã thuộc huyện/thành phố</b>	<b>Ghi chú</b>
Giai đoạn 2001-2010 (Tính đến 12/2010)	10	2	06	9	
Giai đoạn 2011-2020 (Tính đến 12/2019)	10	2	07	9	

**II. Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập phân theo các lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân huyện/thành phố**

<b>Giai đoạn</b>	<b>Sự nghiệp GD-ĐT</b>	<b>Sự nghiệp y tế</b>	<b>Sự nghiệp VH,TDTT</b>	<b>Sự nghiệp khác</b>
Giai đoạn 2001-2010 (Tính đến 12/2010)	23		02	04
Giai đoạn 2011-2020 (Tính đến 12/2019)	26		02	04

**Phụ lục 5**  
**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của huyện/ thành phố**

Stt	Chỉ tiêu	Tên huyện/thành phố									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
<b>I.</b>	<b>Đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện</b>										
1.	Tổng số biên chế cán bộ, công chức										
-	<i>Tổng số được giao</i>	83	83	84	84	82	82	81	79	77	<b>76</b>
-	<i>Tổng số có mặt</i>	74	74	79	80	82	81	74	77	74	<b>73</b>
2.	Tổng số biên chế viên chức										
-	<i>Tổng số được giao</i>	811	813	874	889	896	911	964	959	958	<b>961</b>
-	<i>Tổng số có mặt</i>	805	802	855	860	862	904	952	848	958	<b>961</b>
3.	Số công chức được tuyển dụng theo hình thức thi cạnh tranh	5		5		2			5		
4.	Số công chức được bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thông qua thi tuyển cạnh tranh				1						
5.	Số lượng cán bộ, công chức được tinh giản biên chế									1	<b>3</b>
6.	Số lượng công chức được bồi dưỡng, tập huấn	19	22	20	25	21	28	32	39	18	

	hàng năm										
7.	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm	28	26	16	19	20	25	39	28	36	
8.	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng do UBND cấp huyện tổ chức				2	3	2	6	3	3	
<b>II.</b>	<b>Đối với cán bộ, công chức cấp xã</b>										
1.	Tổng số chức vụ, chức danh được bố trí theo quy định	197	197	197	197	197	191	191	191	191	<b>191</b>
-	<i>Cán bộ cấp xã</i>	99	99	99	99	99	90	90	90	90	<b>90</b>
-	<i>Công chức cấp xã</i>	98	98	98	98	98	101	101	101	101	<b>101</b>
2.	Tổng số có mặt	204	203	202	192	186	190	186	190	183	<b>181</b>
-	<i>Cán bộ cấp xã</i>	98	98	98	97	95	90	87	90	81	<b>86</b>
-	<i>Công chức cấp xã</i>	106	105	104	95	91	100	99	100	102	<b>95</b>
3.	Số cán bộ, công chức đạt chuẩn	192	192	192	186	181	190	186	184	183	<b>181</b>
-	<i>Cán bộ cấp xã</i>	92	92	92	92	90	90	87	85	81	<b>86</b>
-	<i>Công chức cấp xã</i>	100	100	100	94	91	100	99	99	102	<b>95</b>

**Phụ lục 6**  
**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tài chính công của**  
**các huyện/thành phố**

Stt	Chỉ tiêu	Tên huyện/ thành phố									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ										
-	<i>Cấp huyện</i>	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12
-	<i>Cấp xã</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ	16	16	16	25	25	26	29	31	31	31
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư</i>										
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên</i>							1	1	1	1
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên</i>	7	7	7	16	16	16	16	17	17	17
-	<i>Số lượng đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên</i>	9	9	9	9	9	10	12	13	13	<b>13</b>



**Phụ lục 7**  
**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực hiện đại hóa hành chính**  
**của huyện/thành phố**

Stt	Chỉ tiêu	Tên huyện/thành phố									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tỷ lệ văn bản hành chính được trao đổi dưới dạng điện tử								90%	95%	95%
2.	Số cơ quan, đơn vị kết nối Trục liên thông VBQG							29	32	32	33
3.	Số lượng văn bản nhận trên Trục liên thông VBQG						805	2701	4301	5079	1520
4.	Số lượng văn bản gửi trên Trục liên thông VBQG						130	1024	1978	2279	585
5.	Số lượng chữ ký số	0	0	0	0	0	0	0	0	95	109
6.	Tỷ lệ công chức có hộp thư điện tử	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
7.	Số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản							29	32	32	33
8.	Số cơ quan, đơn vị sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc							29	32	32	33
9.	Số cơ quan, đơn vị có Cổng/Trang Thông tin điện tử	1	1	1	1	1	1	1	1	10	10
10.	Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,							33	33	38	<b>38</b>

Stt	Chỉ tiêu	Tên huyện/thành phố									
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
	mức độ 4										
11.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ							0	6/33	13/38	13/38
12.	Số cơ quan, đơn vị xây dựng, sử dụng phần mềm một cửa điện tử							01	10	10	10
13.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử							100%	100%	100%	100%
14.	Số cơ quan, đơn vị cấp huyện có bản Công bố ISO	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1

**Phụ lục 8**  
**Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính nhà nước của**  
**các huyện/thành phố giai đoạn 2011-2020**

Stt	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
<b>A</b>	<b>Mục tiêu cải cách hành chính theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ</b>	
1.	Thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức được cải cách cơ bản theo hướng gọn nhẹ, đơn giản; mỗi năm đều có tỷ lệ giảm chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi giải quyết thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	Đạt
2.	Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80% vào năm 2020	Đạt
3.	Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị để không còn sự chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	Đạt
4.	Chuyên giao những công việc mà cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện, cấp xã không nên làm hoặc làm hiệu quả thấp cho xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận	Đạt
5.	Sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt mức trên 80% vào năm 2020	Đạt
6.	Sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế thuộc cấp huyện đạt mức trên 80% vào năm 2020	Đạt
7.	Đội ngũ công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% các cơ quan, đơn vị có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm	Đạt
8.	Đến năm 2020: 90% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các đơn vị được thực hiện dưới dạng điện tử; cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện, cấp xã; hầu hết các giao dịch của các đơn vị được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi lúc, mọi nơi, dựa trên các ứng dụng truyền thông đa phương tiện; hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến trên Mạng thông tin điện tử hành chính ở mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau	Đạt
9.	Các trang tin, cổng thông tin điện tử hoàn thành việc kết nối	Đạt

Stt	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
	với Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, hình thành đầy đủ Mạng thông tin điện tử hành chính trên Internet	
10.	20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử được xác thực danh diện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cơ quan	Đạt
11.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của từng cơ quan, đơn vị đạt từ 20% trở lên; tích hợp 30% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử	Đạt
12.	Tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; 100% dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 50% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% Cổng Thông tin điện tử công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.	Đạt
13.	90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử; tối thiểu 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	Đạt
14.	Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.	Đạt
15.	100% cơ quan kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	Đạt
<b>B</b>	<b>Mục tiêu cải cách hành chính theo Chương trình tổng thể CCHC của tỉnh (Báo cáo số 74/BC-UBND ngày 16/7/2010)</b>	
1.	Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu chính đáng của người dân	Đạt
2.	Tiếp tục rà soát làm rõ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, xác định tổ chức bộ máy, biên chế, cơ cấu cán bộ, công chức của cơ quan, đơn	Đạt

<b>Stt</b>	<b>Các mục tiêu cải cách</b>	<b>Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)</b>
	vị hợp lý, khoa học bảo đảm tinh gọn, hoạt động có hiệu quả.	
3.	Đến năm 2020, đội ngũ cán bộ, công chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, chuyên nghiệp, hiện đại	Đạt
4.	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, hướng tới nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.	Đạt
5.	Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ ở các cấp, kể cả trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị	Đạt